TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2023/DS-ST
Ngày: 21-6-2023.
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn
2. Bà Phạm Thị Ngọc Diệu

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 314/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXX-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp AĐ, xã AĐ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm Ch, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp AT, xã MTA, thành phố B, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1947; Địa chỉ: Ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Tr.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp AV, xã ĐPH, huyện M,

tỉnh Bến Tre, có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 13/02/2023.

3.2. Chị Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

3.3. Anh Huỳnh Quốc V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của anh Việt: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị T, theo văn bản ủy quyền đề ngày 02/6/2023.

3.4. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1949; Địa chỉ: Ấp AĐ, xã AĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/5/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022 của nguyên đơn Huỳnh Thị B, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Diễm Ch trình bày:

Bà Huỳnh Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu.

Cha của bà B là ông Huỳnh Văn Ng (chết năm 2019). Ông Ng và mẹ của bà B là bà Nguyễn Thị B1 chung sống với nhau vào năm 1974 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông Ng và bà B1 có một người con chung là bà B. Sau đó, ông Ng và bà B1 chia tay. Ông Ng sống với bà Nguyễn Thị Nh có ba người con là Huỳnh Quốc V, Huỳnh Thị Tr, Huỳnh Văn L.

Ông Ng và bà Nh chung sống với nhau và có tạo lập phần đất diện tích 5.120 m^2, thuộc thửa đất số 1897 và 300 m^2, thuộc thửa đất số 1898, cùng tờ bản đồ số 3 (nay thuộc thửa đất số 17, 30, cùng tờ bản đồ số 8), tọa lạc ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vào năm 2019, ông Ng chết không có để lại di chúc. Vào ngày 05/01/2021, bà Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do ông Ng để lại. Ngày 27/5/2022, Tòa án nhân dân huyện M xét xử vụ án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm nên Huỳnh Văn L kháng cáo. Ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vụ án phân chia di sản thừa kế của ông Ng. Trong phần quyết định của bản án có tuyên nội dung: *"Đối với kỷ phần của bà Huỳnh Thị B được xác định ở thửa 17D diện tích 737,2 m^2 với tổng giá trị 304.914.000 đồng và giá trị phần diện tích đất nhận còn thiếu 23.234.000 đồng và kỷ phần của giá trị căn nhà 17.119.000 đồng. Do không xác định được bà B hiện đang cư trú ở đâu nên tạm giao các tài sản nêu trên cho bà Nh quản lý, khi nào xác định được bà B các bên sẽ tự thương lượng trả lại kỷ phần nêu trên hoặc khởi kiện ở vụ kiện khác"*.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phân chia di sản của ông Ng thì bà B không biết nên không tham gia. Vào tháng 10/2022, bà B được biết bà có một kỷ phần thừa kế như bản án của Tòa án nhân dân huyện M và Tòa án nhân dân tỉnh

Bến Tre tuyên nên bà B yêu cầu bà Nh giao cho bà B phần đất như đã tuyên nhưng bà Nh không đồng ý giao lại.

Vì vậy, nay bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh phải giao trả cho bà B phần đất có diện tích 737,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà B yêu cầu bà Nh phải hoàn trả cho bà B số tiền 40.353.000 (Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 250/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và tính lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 07/11/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bà B đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, trích lục và định giá tài sản, không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị Nh, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Quốc V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Tr trình bày:

Chị là con ruột của ông Huỳnh Văn Ng và bà Nguyễn Thị Nh. Ông Ng và bà Nh có ba người con là Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn V, Huỳnh Thị Tr. Bà B là con ruột của ông Ng và bà Nguyễn Thị B1.

Chị thống nhất phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nội dung xét xử của Tòa án nhân dân huyện M và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đối với diện tích đất và số tiền bà Huỳnh Thị B được nhận khi chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn Ng. Từ lúc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử cho đến nay, bà Nh là người trực tiếp quản lý phần đất bà B được nhận khi Tòa án tuyên do trong quá trình giải quyết vụ án này bà B ở đâu không rõ. Trong quá trình quản lý, bà Nh không có tu bổ gì trên đất, hiện trạng phần đất không có thay đổi. Đối với những nội dung bản án đã tuyên, cơ quan Thi hành án Dân sự huyện M chỉ thi hành những nghĩa vụ về án phí và số tiền bà Nh phải bồi thường cho anh Huỳnh Văn L, còn những nội dung khác vẫn chưa thi hành. Hiện trạng phần đất tranh chấp trồng dừa, không có công trình kiến trúc nào.

Nay bà Nhiều đồng ý giao trả cho bà B phần đất bà B được nhận khi chia di sản thừa kế của ông Ng có diện tích 737,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đồng thời, bà Nh cũng đồng ý hoàn trả cho bà B số tiền 40.353.000 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo bản án dân sự phúc thẩm số 250/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 07/11/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, đối với số tiền vốn và lãi phải hoàn trả cho bà B thì bà Nh yêu cầu được quy ra thành diện

tích đất của bà Nh được nhận liền kề với thửa 17D. Lý do: Bà Nh lớn tuổi, không có khả năng về kinh tế để thanh toán bằng tiền cho bà B.

Chị và anh V không có quản lý cũng như không có tu bổ gì trên đất nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Chị đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, trích lục và định giá tài sản, không có ý kiến gì khác.

Tại bản khai đề ngày 13/02/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn L trình bày như sau:

Anh là con của ông Huỳnh Văn Ng và bà Nguyễn Thị Nh. Theo bản án dân sự sơ thẩm số 33 ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện M và Bản án dân sự phúc thẩm số 250 ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xét xử phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn Ng cho bà Huỳnh Thị B, anh Huỳnh Văn V, chị Huỳnh Thị Tr, bà Nguyễn Thị Nh và anh. Trong đó, bà B được nhận thửa 17D, diện tích 737,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre, giá trị phần diện tích đất còn thiếu 23.234.000 đồng và kỷ phần của giá trị căn nhà là 17.119.000 đồng. Do tại thời điểm xét xử không xác định được bà B hiện đang cư trú ở đâu nên Tòa án tạm giao các tài sản trên cho bà Nh quản lý. Sau đó, bà Nh tiếp tục trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 17D bà B được nhận. Trong quá trình sử dụng, bà Nh không có trồng cây hay xây dựng công trình kiến trúc hay tu bổ gì, hiện trạng đất giữ nguyên không có thay đổi so với lúc xem xét, thẩm định năm 2021. Do anh đã được nhận di sản thừa kế của ông Ng nên phần đất có tranh chấp là của bà B, anh không có liên quan. Bà Nh có trách nhiệm giao trả phần đất cho bà B theo bản án đã tuyên. Vì lý do không có liên quan đến vụ án nên anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/5/2023; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên bà Nguyễn Thị B1 trình bày như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị B và bị đơn bà Nguyễn Thị Nh, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B và cam kết không khiếu nại. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết cho bà vắng mặt trong vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 203 Luật đất đai 2013; các Điều 649, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị B.

Bà Huỳnh Thị B được nhận phần đất có diện tích đất 737,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ giao lại. Buộc bà Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B tổng số tiền 40.353.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/11/2022 cho đến ngày Tòa xét xử (ngày 21/6/2023) theo lãi suất 10%/năm.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu nhận kỷ phần bà được nhận khi chia di sản của ông Huỳnh Văn Ng theo bản án dân sự phúc thẩm số 250/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên đối với một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre, số tiền 40.353.000 (Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng và tính lãi theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 07/11/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Tòa án xác định nguyên đơn có quyền khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 68, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật.

[1.3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B1, anh Huỳnh Văn L đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B1, anh L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 24/4/2023 và ngày 05/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mỏ Cày Nam, phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre có diện tích 737,2 m^2. Phần đất có giá trị: (202,3 m^2 x 476.000 đồng/m^2) + (534,9 m^2 x 390.000 đồng/m^2) = 304.905.800 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B:

Bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Nh phải giao trả cho bà B phần đất có diện tích 737,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre và số tiền 40.353.000 (Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 250/2022/DS-PT ngày 19/9/2022. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đối với số tiền phải hoàn trả thì bà Nh yêu cầu được quy ra thành diện tích đất của bà Nh được nhận liền kề với thửa 17D. Lý do: Bà Nh lớn tuổi, không có khả năng về kinh tế để thanh toán bằng tiền cho bà B. Xét thấy, tại bản án dân sự phúc thẩm số 250/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử vụ án phân chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn Ng tại phần quyết định của bản án có tuyên nội dung: *"Đối với kỷ phần của bà Huỳnh Thị B được xác định ở thửa 17D diện tích 737,2 m^2 với tổng giá trị 304.914.000 đồng và giá trị phần diện tích đất nhận còn thiếu 23.234.000 đồng và kỷ phần của giá trị căn nhà 17.119.000 đồng. Do không xác định được bà B hiện đang cư trú ở đâu nên tạm giao các tài sản nêu trên cho bà Nh quản lý, khi nào xác định được bà B các bên sẽ tự thương lượng trả lại kỷ phần nêu trên hoặc khởi kiện ở vụ kiện khác"*. Vì vậy, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B là có cơ sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu của bị đơn về hình thức thanh toán số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được nhận tiền, không đồng ý quy ra thành diện tích đất theo yêu cầu của bị đơn. Mặt khác, theo quy định pháp luật thì việc thi hành số tiền này như thế nào tùy theo điều kiện thi hành án của bên phải thi hành án và sẽ được thực hiện tại giai đoạn thi hành án. Vì vậy, buộc bà Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B tổng số tiền 40.353.000 đồng, bao gồm giá trị phần diện tích đất nhận còn thiếu 23.234.000 đồng và kỷ phần của giá trị căn nhà 17.119.000 đồng là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị B yêu cầu tính lãi đối với số tiền 40.353.000 (Bốn mươi triệu ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày 07/11/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 250/2022/DS-PT ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân

dân tỉnh Bến Tre, Tòa án không buộc bà Nh phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền bà Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng đồng ý chịu tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nên ghi nhận sự tự nguyện này. Vì vậy, tiền lãi từ ngày 07/11/2022 đến ngày Tòa xét xử (ngày 21/6/2023) được tính như sau: 40.353.000 đồng x 0,83%/tháng x 07 tháng 14 ngày = 2.501.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà B thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thị B phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản, trích lục là 2.821.000 đồng và đã nộp xong.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 235, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị B về tranh chấp thừa kế tài sản.

Bà Huỳnh Thị B được nhận phần đất có diện tích đất 737,2 m^2, thuộc một phần thửa đất số 17 (thửa 17D), tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp AV, xã ĐPH, huyện M, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ giao lại.

(Có kèm theo Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M)

Buộc bà Nguyễn Thị Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Huỳnh Thị B tổng số tiền 42.854.000 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Trong đó: Giá trị phần diện tích đất còn thiếu là 23.234.000 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng); Kỷ phần của giá trị căn nhà là 17.119.000

đồng (Mười bảy triệu một trăm mười chín nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 03/11/2022 cho đến ngày Tòa xét xử (ngày 21/6/2023) là 2.501.000 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền tạm ứng án phí 8.632.000 đồng (Tám triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ******* ngày **/**/**** của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Về chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Thị B phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá tài sản, trích lục là 2.821.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn đồng) và đã nộp xong.

4. Đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tương ứng với phần diện tích đất được công nhận.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang